



CẬP NHẬT QUÝ

Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel (CTR: HOSE)

Giá mục tiêu: 102.000 Đồng

Khuyến nghị: TRUNG LẬP

Tăng giá: 1,2%

04/02/2026



Kết quả ổn định tại các mảng kinh doanh cốt lõi

Do giá cổ phiếu CTR đã tăng 10% kể từ báo cáo gần nhất, chúng tôi hạ khuyến nghị từ KHẢ QUAN xuống **TRUNG LẬP**, và duy trì giá mục tiêu 12 tháng không đổi là 102.000 đồng/cổ phiếu. Tiềm năng tăng giá ở mức khoảng 1,2%. Dựa trên KQKD 2025, dự báo lợi nhuận 2026 của chúng tôi gần như không thay đổi.

Luận điểm đầu tư

- Triển vọng tăng trưởng doanh thu tích cực.** Chúng tôi kỳ vọng CTR sẽ ghi nhận tăng trưởng doanh thu đạt khoảng 11% svck trong năm 2026, chủ yếu nhờ (i) việc tiếp tục mở rộng mạng lưới trạm thu phát sóng (BTS), (ii) tăng trưởng từ mảng giải pháp năng lượng mặt trời, và (iii) đà tăng trưởng từ mảng xây dựng.
- Chiến lược “Go Global” sẽ là động lực dài hạn.** Mặc dù tác động trong ngắn hạn còn khiêm tốn, chiến lược mở rộng ra thị trường quốc tế vẫn là trụ cột quan trọng và có thể sẽ là yếu tố thúc đẩy lợi nhuận trong trung và dài hạn.

Cập nhật KQKD năm 2025 và triển vọng năm 2026

KQKD năm 2025: CTR ghi nhận KQKD ổn định trong năm 2025, với doanh thu và lợi nhuận cổ đông công ty mẹ (NPATMI) đều tăng khoảng 11% svck.

- Mảng hạ tầng cho thuê** ghi nhận mức tăng trưởng doanh thu mạnh nhất (+36% svck) và đóng góp khoảng 25% vào lợi nhuận gộp.
- Mảng giải pháp & dịch vụ kỹ thuật** được hưởng lợi từ nhu cầu lắp đặt điện mặt trời áp mái cao, với 5.423 hệ thống được triển khai và bàn giao (gấp 3,5 lần svck), và việc mở rộng sang các dịch vụ hạ tầng mới.
- Mảng xây dựng** duy trì đà tăng trưởng, với tổng giá trị hợp đồng ký mới tăng 23% svck, góp phần củng cố chiến lược mở rộng mảng B2C và đa dạng nhiều loại hình dự án trong mảng B2B.

Triển vọng năm 2026: Chúng tôi dự báo doanh thu và NPATMI sẽ tăng 11% - 13% svck, nhờ tăng trưởng đến từ hầu hết các mảng kinh doanh. Tuy nhiên, chúng tôi duy trì quan điểm thận trọng đối với mảng vận hành khai thác, do chiến lược “Go Global” có thể cần thêm thời gian để cho thấy sự tác động trọng yếu đến tăng trưởng doanh thu.

Yếu tố hỗ trợ và Rủi ro

- Yếu tố hỗ trợ:** Đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án tuyến cáp ngầm (từ Đà Nẵng vào miền Nam), và ra mắt các mảng kinh doanh mới.
- Rủi ro:** Nhu cầu mảng xây dựng dân dụng yếu, việc khách hàng (đặc biệt mảng xây dựng B2B) chậm thanh toán, và số lượng trạm BTS triển khai thấp hơn dự kiến.

Bảng 1: Các chỉ tiêu chính

Tỷ đồng	2022	2023	2024	2025	2026F
Doanh thu thuần	9.370	11.299	12.610	13.940	15.518
Tăng trưởng doanh thu thuần (%)	25,8%	20,6%	11,6%	10,5%	11,3%
Biên lợi nhuận gộp (%)	7,9%	7,9%	7,0%	7,0%	7,1%
NPATMI	443	516	538	600	678
EPS (VND)	3.288	3.417	3.543	3.949	4.465
Tăng trưởng EPS (%)	-4,0%	3,9%	3,7%	11,4%	13,1%
Nợ/VCSH	0,9	0,8	0,9	1,1	0,9
Tỷ suất cổ tức	5,8%	3,0%	1,7%	2,3%	2,0%
ROE	30,2%	28,6%	27,9%	30,8%	30,5%
P/E (x)	15,3	26,9	35,1	21,6	22,2
P/B (x)	3,5	5,3	7,6	4,7	4,8
EV/EBITDA (x)	7,1	10,4	13,4	7,3	8,7

Nguồn: CTR, SSI Research

Bạch Chấn Mẫn

Chuyên viên Phân tích Cổ phiếu

manbc@ssi.com.vn

Giá CP - VND (03/02/26)	100.800
Vốn hóa (USDmn):	429
SLCP lưu hành (triệu cp):	114
KLGD TB 3 tháng (triệu cp):	0,7
Giá cao/thấp 52T (k VND):	125,3/72,1
GTGD TB 3 tháng (USDmn):	2,6
Tỷ lệ SHNN (%):	5,5
GTNN còn được mua (USDmn):	187,0
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%):	65,7

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

Thành lập năm 1995 tiền thân là Xí nghiệp xây lắp công trình, CTR chính thức đi vào hoạt động từ tháng 4/2017. Từ năm 2020, CTR mở rộng mô hình kinh doanh sang cho thuê hạ tầng viễn thông, đây là động lực tăng trưởng chính trong tương lai. CTR có 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây lắp/vận hành khai thác hạ tầng viễn thông. Ngày 31/10/2017, CTR đã niêm yết trên sàn UPCOM trước khi chuyển sang

Nhìn lại năm 2025: Mở rộng hạ tầng 5G, tăng trưởng doanh thu hai chữ số tại hầu hết các mảng

Bảng 2: KQKD Q4/2025

Tỷ đồng	4Q25	4Q24	svck	Biên lợi nhuận		
				4Q25	4Q24	2025
Doanh thu thuần	4.000	3.502	14,2%			
Lợi nhuận gộp	298	252	18,2%	7,5%	7,2%	7,0%
Lợi nhuận hoạt động	181	195	-7,2%	4,5%	5,6%	5,2%
EBIT	226	203	11,3%	5,7%	5,8%	6,0%
EBITDA	319	302	5,6%	8,0%	8,6%	8,6%
LNTT	200	188	6,3%	5,0%	5,4%	5,3%
LNST	164	151	8,8%	4,1%	4,3%	4,3%
NPATMI	164	151	8,8%	4,1%	4,3%	4,3%

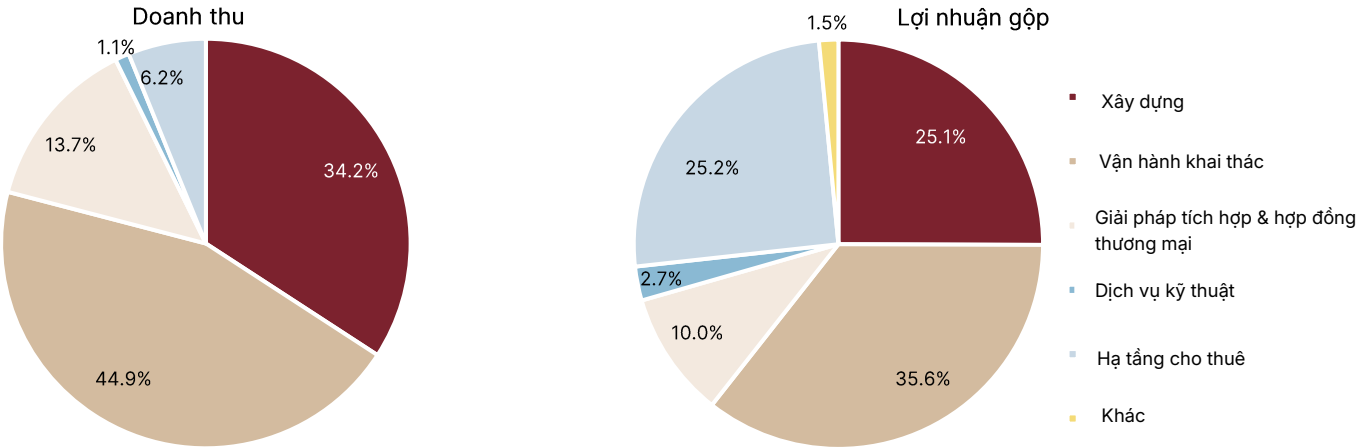
Nguồn: CTR, SSI Research

Bảng 3: KQKD năm 2025

Tỷ đồng	2025	2024	svck	%kế hoạch công ty
Doanh thu thuần	13.940	12.610	10,5%	100%
Lợi nhuận gộp	982	884	11,0%	
Lợi nhuận hoạt động	725	689	5,3%	
EBIT	838	733	14,4%	
EBITDA	1.193	1.052	13,4%	
LNTT	745	672	10,9%	103%
LNST	600	538	11,4%	107%
NPATMI	600	538	11,4%	

Nguồn: CTR, SSI Research

Biểu đồ 4: Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận gộp năm 2025



Nguồn: CTR, SSI Research. * Lợi nhuận khác liên quan đến điều chỉnh chi phí dự phòng hàng tồn kho của CTR trong cơ cấu lợi nhuận gộp.

CTR công bố KQKD năm 2025 với doanh thu đạt 13,9 nghìn tỷ đồng (+11% svck) và NPATMI đạt 600 tỷ đồng (+11% svck), phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi. Đáng chú ý, mảng **hạ tầng cho thuê** tiếp tục đóng góp đáng kể vào lợi nhuận, với biên lợi nhuận gộp cao nhất trong tất cả các mảng (đạt 28%-29%), chiếm 25% tổng lợi nhuận gộp (so với 21% trong năm 2024 và 15% trong năm 2023).

Diễn biến chính theo từng mảng hoạt động

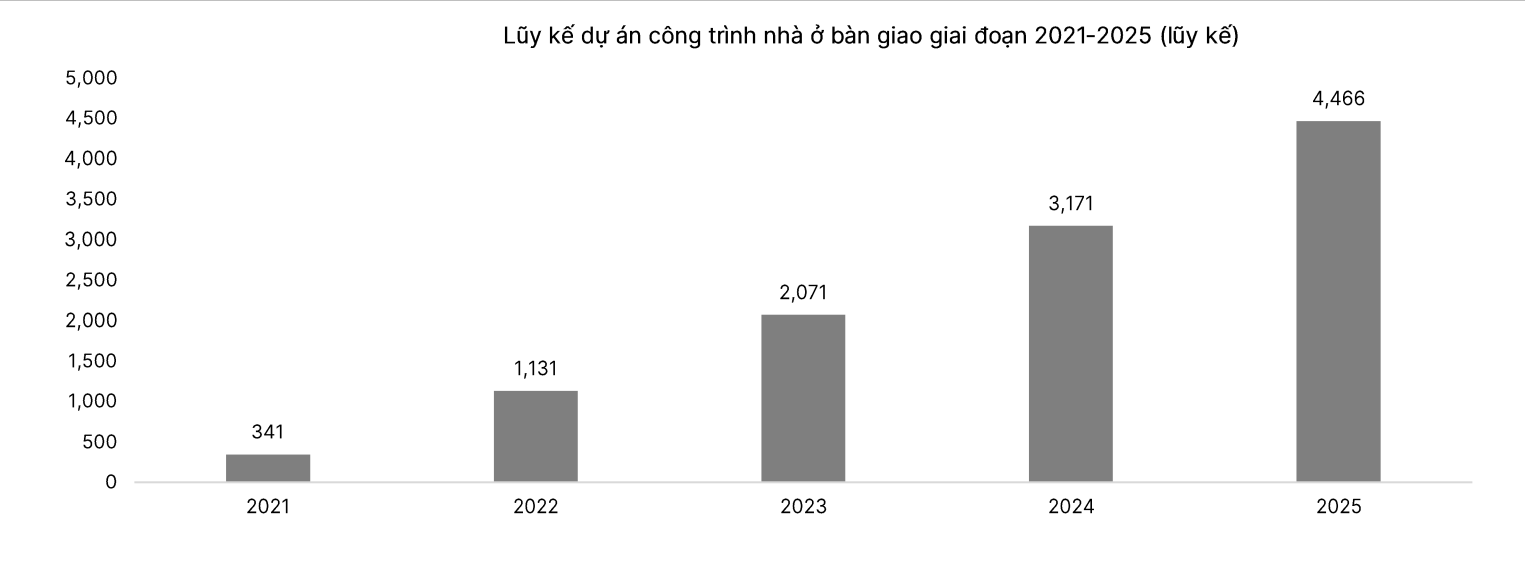
Mảng hạ tầng cho thuê ghi nhận mức tăng trưởng doanh thu cao nhất (+36% svck), CTR vẫn duy trì vị thế dẫn đầu trên thị trường TowerCo tại Việt Nam.

- Tính đến cuối năm 2025, CTR sở hữu và vận hành khoảng 12.000 trạm BTS (+20% svck), hoàn thành kế hoạch năm là phát triển 2.000 trạm mới.
- Viettel đã thương mại hóa 5G từ tháng 10/2024 với hơn 6.500 trạm BTS.
- Trong năm 2025, Viettel đã tiếp tục mở rộng quy mô trạm, lắp đặt hơn 23.500 trạm BTS 5G trong giai đoạn từ tháng 2/2025 đến tháng 12/2025. Con số này đã giúp nâng tổng số trạm 5G đang vận hành trên toàn quốc của Viettel lên hơn 30.000 trạm, trong đó CTR đã hoàn thành nhiệm vụ lắp đặt 6.452 trạm.

Mảng xây dựng

- Doanh thu tăng 17% svck (cao hơn một chút so với dự báo của chúng tôi), giá trị hợp đồng đã ký đạt 5 nghìn tỷ đồng (+23% svck).
- Mảng B2B:** Tập trung vào các dự án như nhà xưởng, trường học, nhà ở xã hội và các công trình hạ tầng quy mô lớn. Lũy kế năm 2025, mảng này đã bàn giao gần 3.000 dự án (đồng hành cùng khoảng 2.000 khách hàng).
- Mảng B2C và SME** tiếp tục tạo dấu ấn trên thị trường nhà ở dân dụng với việc triển khai và bàn giao các công trình nhà ở theo mô hình thiết kế-thi công trọn gói.

Biểu đồ: Trong năm 2025, mảng B2C & SME đã triển khai và bàn giao 1.295 nhà ở dân dụng (+18% svck), nâng tổng số dự án đã triển khai và bàn giao lũy kế lên gần 4.500 căn.



Nguồn: CTR, SSI Research

Mảng giải pháp & dịch vụ kỹ thuật

- Doanh thu đạt 2,1 nghìn tỷ đồng (+25% svck).
- 5.423 hệ thống điện mặt trời áp mái được triển khai cho khách hàng (gấp 3,5 lần svck), là một trong những động lực tăng trưởng doanh thu chính.
- Tính đến cuối năm 2025, CTR đã triển khai và bàn giao lũy kế 10.538 hệ thống điện mặt trời với tổng công suất 339 MWp, phục vụ hơn 10.000 khách hàng bao gồm hộ gia đình và doanh nghiệp.
- Công ty cũng mở rộng sang các dịch vụ hạ tầng mới, ví dụ như cung cấp và lắp đặt thang máy.

Mảng vận hành khai thác là mảng duy nhất không có mức tăng trưởng doanh thu hai chữ số (gần như đi ngang svck) (thấp hơn một chút so với dự báo của chúng tôi). Điều này phản ánh hiệu quả vận hành ổn định ở cả thị trường nội địa và quốc tế (Myanmar và Campuchia) trong bối cảnh nhu cầu dữ liệu tăng và điều kiện thời tiết diễn biến phức tạp.

Bảng 6: Dự báo lợi nhuận

Triệu đồng	2024	2025	2026F	Giá định/Nhận xét
Doanh thu theo mảng	12.609.520	13.939.517	15.517.897	
% svck	11,6%	10,5%	11,3%	
(i) Xây dựng	4.068.824	4.763.835	5.630.173	Dựa trên KQKD năm 2025, chúng tôi điều chỉnh tăng dự báo mảng xây dựng cho năm 2026, và điều chỉnh giảm dự báo mảng vận hành khai thác . Tuy nhiên, những thay đổi này không có tác động đáng kể lên tổng doanh thu và lợi nhuận dự báo. Triển vọng năm 2026 Hạ tầng cho thuê: CTR hiện chưa chốt kế hoạch xây dựng số lượng trạm BTS trong năm 2026. Chúng tôi duy trì quan điểm thận trọng với giả định xây khoảng 1.000 trạm. Giải pháp & dịch vụ kỹ thuật: Tăng trưởng được thúc đẩy nhờ giải pháp năng lượng mặt trời và các dịch vụ hạ tầng mới. Xây dựng: Chúng tôi kỳ vọng tăng trưởng đạt mức hai chữ số, nhờ việc tiếp tục mở rộng mảng B2C.
% svck	15,0%	17,1%	18,2%	
(ii) Vận hành khai thác	6.255.365	6.257.160	6.444.875	
% svck	13,1%	0,0%	3,0%	
(iii) Giải pháp & dịch vụ kỹ thuật	1.654.747	2.061.079	2.443.188	
% svck	-7,8%	24,6%	18,5%	
(iv) Hạ tầng cho thuê	630.584	857.443	999.661	
% svck	44,8%	36,0%	16,6%	
(iv.1) BTS	534.275	756.821	897.023	
Số lượng BTS	10.000	12.000	13.000	
Số lượng tăng lên	3.564	2.000	1.000	
(iv.2) Phù sóng tòa nhà - DAS	19.456	21.878	22.318	
(iv.3) Cáp quang	38.237	38.620	39.392	
(iv.4) Điện mặt trời áp mái	38.616	40.125	40.928	

Triệu đồng	2024	2025	2026F	Giả định/Nhận xét
				Vận hành khai thác: Chúng tôi duy trì quan điểm thận trọng với mức tăng trưởng một chữ số.
Lợi nhuận gộp	884.222	981.666	1.101.800	
%Biên lợi nhuận gộp	7,0%	7,0%	7,1%	
G&A	-168.599	-247.615	-264.344	
LNTT	672.016	745.381	846.673	Với triển vọng tăng trưởng doanh thu, chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận sẽ duy trì mức tăng trưởng hai chữ số.
% svck	4,2%	10,9%	13,6%	
NPATMI	538.221	599.831	678.185	
% svck	4,3%	11,4%	13,1%	
%Biên NPATMI	4,3%	4,3%	4,4%	

Nguồn CTR, SSI Research

Tóm tắt định giá

Chúng tôi gần như giữ nguyên dự báo lợi nhuận năm 2026, vì vậy cũng duy trì giá mục tiêu 12 tháng ở mức 102.000 đồng/cổ phiếu đối với CTR. Với tiềm năng tăng giá khoảng 1,2%, chúng tôi hạ khuyến nghị từ KHẢ QUAN xuống TRUNG LẬP.

Mức giá mục tiêu này tương đương với hệ số EV/EBITDA dự phóng 2026 là 8,9x, dựa trên tăng trưởng EPS đạt 13% svck (so với trung bình hệ số EV/EBITDA 8,6x và EPS tăng 3% svck của các doanh nghiệp TowerCo cùng ngành).

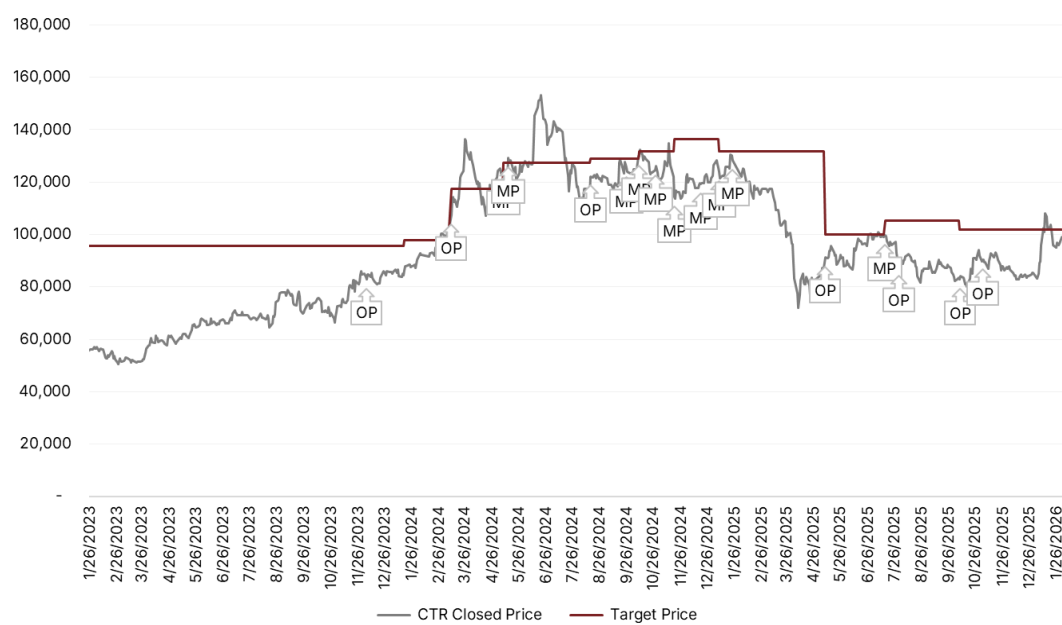
Yếu tố hỗ trợ:

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án cáp ngầm (từ Đà Nẵng đến khu vực Nam Bộ) có thể thúc đẩy tăng trưởng dài hạn.
- Ra mắt các mảng kinh doanh mới có thể tạo thêm nguồn doanh thu mới.

Rủi ro

- Giá trị hợp đồng mảng xây dựng dân dụng yếu có thể ảnh hưởng kém tích cực đến tăng trưởng doanh thu.
- Việc khách hàng chậm thanh toán, đặc biệt trong mảng xây dựng B2B, có thể tác động đến dòng tiền và hiệu quả hoạt động.
- Nhu cầu BTS thấp hơn kỳ vọng có thể ảnh hưởng đến tăng trưởng dài hạn của CTR.

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2023	2024	2025	2026F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương	819	887	1.705	1.735
+ Đầu tư ngắn hạn	1.000	854	1.618	1.618
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	2.924	2.937	2.714	3.286
+ Hàng tồn kho	790	610	425	472
+ Tài sản ngắn hạn khác	81	134	164	182
Tổng tài sản ngắn hạn	5.614	5.421	6.625	7.294
+ Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0	0
+ GTCL Tài sản cố định	285	191	134	210
+ Bất động sản đầu tư	829	1.223	1.335	1.240
+ Tài sản dài hạn dở dang	153	252	80	80
+ Đầu tư dài hạn	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn khác	36	20	10	12
Tổng tài sản dài hạn	1.302	1.685	1.560	1.542
Tổng tài sản	6.916	7.106	8.185	8.836
+ Nợ ngắn hạn	4.535	4.653	5.598	6.044
Trong đó: vay ngắn hạn	1.196	1.052	1.760	1.774
+ Nợ dài hạn	392	588	518	441
Trong đó: vay dài hạn	378	573	503	423
Tổng nợ phải trả	4.928	5.241	6.117	6.485
+ Vốn góp	1.144	1.144	1.144	1.144
+ Thặng dư vốn cổ phần	0	0	0	0
+ Lợi nhuận chưa phân phối	813	601	654	936
+ Quỹ khác	31	120	270	270
Vốn chủ sở hữu	1.988	1.865	2.069	2.351
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	6.916	7.106	8.185	8.836
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	573	1,141	1,457	541
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	-159	-600	-1,033	-217
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-9	-474	394	-294
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	404	67	819	30
Tiền đầu kỳ	414	819	887	1,705
Tiền cuối kỳ	819	887	1,705	1,735
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	1,24	1,17	1,18	1,21
Hệ số thanh toán nhanh	1,05	1,01	1,08	1,10
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,40	0,37	0,59	0,55
Nợ ròng / EBITDA	0,91	0,71	0,54	-0,94
Khả năng thanh toán lãi vay	8,60	12,05	9,03	9,63
Ngày phải thu	85,5	84,8	74,0	70,6
Ngày phải trả	19,3	18,5	14,7	11,6
Ngày tồn kho	29,8	21,8	14,6	11,4
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,29	0,26	0,25	0,27
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,71	0,74	0,75	0,73
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	2,48	2,81	2,96	2,76
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,12	0,06	0,51	0,49
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,60	0,56	0,85	0,75

Nguồn: CTR, SSI Research

Tỷ đồng	2023	2024	2025	2026F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	11.299	12.610	13.940	15.518
Giá vốn hàng bán	-10.407	-11.725	-12.958	-14.416
Lợi nhuận gộp	892	884	982	1.102
Doanh thu hoạt động tài chính	97	49	100	120
Chi phí tài chính	-93	-90	-107	-114
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-249	-169	-248	-264
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	647	675	727	844
Thu nhập khác	-2	-3	18	3
Lợi nhuận trước thuế	645	672	745	847
Lợi nhuận ròng	516	538	600	678
Lợi nhuận chia cho cổ đông	516	538	600	678
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0
Chỉ số tài chính				
EPS cơ bản (VND)	3.417	3.543	3.949	4.465
Giá trị sổ sách (VND)	17.380	16.305	18.086	20.551
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	2.720	2.150	2.000	2.000
EBIT	730	733	838	945
EBITDA	988	1.052	1.193	1.182
Tăng trưởng				
Doanh thu	20,6%	11,6%	10,5%	11,3%
EBITDA	25,7%	6,5%	13,4%	-1,0%
EBIT	26,3%	0,4%	14,4%	12,7%
Lợi nhuận ròng	16,5%	4,3%	11,4%	13,1%
Vốn chủ sở hữu	22,3%	-6,2%	10,9%	13,6%
Vốn điều lệ	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	14,5%	2,8%	15,2%	7,9%
Định giá				
P/E	26,9	35,1	21,6	22,2
P/B	5,3	7,6	4,7	4,8
Giá/Doanh thu	0,9	1,1	0,7	0,7
Tỷ suất cổ tức	3,0%	1,7%	2,3%	2,0%
EV/EBITDA	10,4	13,4	7,3	8,7
EV/Doanh thu	0,9	1,1	0,6	0,7
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	7,9%	7,0%	7,0%	7,1%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	5,6%	5,5%	5,2%	5,3%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	4,6%	4,3%	4,3%	4,4%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	2,2%	1,3%	1,8%	1,7%
ROE	28,6%	27,9%	30,5%	30,7%
ROA	8,0%	7,7%	7,8%	8,0%
ROIC	17,6%	16,6%	17,2%	17,0%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Phạm Lưu Hưng

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Chiến lược thị trường

Đào Minh Châu

Phó giám đốc Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

Phân tích Ngành CNTT

Bạch Chấn Mẫn

Chuyên viên Phân tích cổ phiếu

manbc@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321